

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày 19/6/2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Thanh

2. Ông Đặng Văn Pé

Thư ký Toà án nhân dân ghi biên bản phiên toà: Ông Nông Đàm Thành,
Thư ký Toà án huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, tham gia phiên toà: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 05 năm 2019 và thông báo chuyển ngày xét xử số 02/2019/TB -TA ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị Ng. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên Đơn: Ông Đinh Công T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lường Văn Đ và bà Hoàng Thị V. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị V là ông Lường Văn Đ. Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bé Văn P, vắng mặt.

2. Ông Bé Văn Đ, có mặt.

3. Anh Bé Văn D1, vắng mặt.

4. Anh Bé Văn D2, có mặt.

5. Anh Bé Văn S, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, ông P, anh D1 anh D2, anh S là bà Chu Thị Ng. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Bà Lộc Thị H, vắng mặt.

7. Anh Lường Văn V, có mặt.

8. Anh Lường Văn Q, vắng mặt.

9. Chị Lường Thị N, vắng mặt.

10. Lường Thị H, vắng mặt

11. Chị La Thị Th1, có mặt.

12. Chị Bé Thị Th2, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh V, anh Q, chị N, chị Th1, chị Th2 là ông Lường Văn Đ. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

12. Ông Lộc Văn Ng, vắng mặt.

13. Bà Hoàng Thị Đ, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ng là bà Hoàng Thị Đ. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

14. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền Ông Vi Văn Kh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt.

15. Ông Bé Văn Th. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/12/2018 và tại phiên tòa bà Chu Thị Ng là nguyên đơn trong vụ án trình bày:

Vợ chồng, bà là Chu Thị Ng và Bé Văn Ph có thửa đất Lâm Nghiệp tại đồi Pác Nùng, thuộc thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Hồ sơ giao đất, giao rừng cho bố chồng bà là ông Bé Văn Đ tại Quyết định số 160/1998/QĐ-UB ngày 25 tháng 11 năm 1998. Năm 2011 ông Bé Văn Đ giao lại khu đất trên cho vợ chồng bà sau đó được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) ngày 10/8/2011 diện tích là 31734,0 m² số thửa 332, tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tháng 3/2017 ông Lường Văn Đ và gia đình đã lên vùng đất này để trồng cây Bạch Đàn, sau đó ông Lường Văn Đ đã bán cho ông Lộc Văn Ng là người cùng thôn một phần diện tích để làm nhà. Nay bà Chu Thị Ng yêu cầu được quản lý và sử dụng diện tích tranh chấp và yêu cầu gia đình ông Lường Văn Đ di chuyển toàn bộ số cây trên diện tích tranh chấp.

Ông Bé Văn Ph, ông Bé Văn Đ, anh Bé Văn D1, anh Bé Văn D2, anh Bé Văn S đồng ý với ý kiến của bà Chu Thị Ng.

Ông Lương Văn Đ và bà Hoàng Thị V cho rằng: Về nguồn gốc khu đất tranh chấp trước đây là đất trồng đồi núi trọc, ông Lương Văn Đ hay chăn trâu ở khu vực này, nên vào năm 1998, khi Nhà nước có chính sách giao đất giao rừng đến các hộ gia đình thì ông đã tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp hồ sơ giao đất giao rừng (bìa xanh) diện tích là 15,50 ha, có số lô là 220, bản đồ giao đất giao rừng năm 1998. Vào năm 1999 thì gia đình ông Lương Văn Đ tiến hành trồng thôn trên diện tích đất đã được cấp sổ bìa xanh, nhưng không trồng trên diện tích đất đang tranh chấp, năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lương Văn Đ, thửa đất trên có số thửa là 296, tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Lương Văn Đ và bà Hoàng Thị V cho rằng diện tích tranh chấp trên nằm trong thửa là 296, tờ bản đồ số 03 mà gia đình ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vậy yêu cầu của bà Hoàng Thị Ng ông Lương Văn Đ và bà Hoàng Thị V không chấp nhận.

Đối với phần diện tích mà gia đình ông Lương Văn Đ đã bán cho ông Lộc Văn Ng ông Lương Văn Đ cho rằng, năm 2016, ông đã trao đổi cho ông Lộc Văn Ng diện tích khoảng 187 m² cách diện tích tranh chấp khoảng 300 m².

Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích tranh chấp kết quả cụ thể như sau: Diện tích đất tranh chấp có địa danh là khu đồi P, thuộc Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 4.190 m² thuộc 03 thửa đất:

1. Thuộc một phần thửa đất số 296 tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn Đ có diện tích là 3.304 m².

Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp với phần đất không tranh chấp thuộc thửa 296 có cạnh dài 13,0 m; Phía đông bắc giáp với thửa đất 318 có cạnh dài 17,6 m; giáp với thửa đất 320 có cạnh dài 66,96 m; Phía nam giáp với thửa đất 332 có cạnh dài 15,48 m + 45,78 m; giáp với thửa đất 296 có chiều dài cạnh 10,29 m; Phía tây Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài các cạnh: 47,17m + 38,07m + 42,9m.

2. Thuộc một phần thửa đất 318, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn Đ diện tích 216,0m². Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc tiếp giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 9,22m; Phía Đông tiếp giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 15,87m; Phía Nam giáp thửa 320 có chiều dài cạnh 15,18m; Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài cạnh 17,6m.

3. Thuộc một phần thửa đất 320, diện tích 670m² theo trên bản đồ là quy chủ Ủy ban nhân dân xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nhưng thực tế là do hộ ông Lương Văn Đ quản lý và sử dụng. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 15,18m; Phía Đông giáp thửa 320

có chiều dài các cạnh 51,0m+10,51m; Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài cạnh 66,96m.

Trên diện tích tranh chấp có 450 cây Bạch Đàn do ông Lương Văn Đ và bà Hoàng Thị V trồng vào năm 2016, 2017 có đường kính gốc là từ 05 đến 10 cm. Ngoài ra trên diện tích tranh chấp còn có 01 ngôi mộ của gia đình ông Bé Văn Th. Diện tích đất mà ông Lương Văn Đ chuyển nhượng cho ông Lộc Văn Ng không nằm trong diện tích tranh chấp.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/4/2019 xác định 450 cây thông có giá trị là 24.000 đồng / cây: $450 \text{ cây} \times 24.000 \text{ đồng} = 10.800.000 \text{ đồng}$; giá trị đất tranh chấp là rừng sản xuất có giá trị là 7000 đồng/ m^2 ; $4.190\text{m}^2 \times 7000 \text{ đồng} = 29.645.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 40.445.000 đồng.

Tại công văn số 684/UBND -TNMT ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 296, 381, tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đúng quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất tranh chấp là $670,0\text{m}^2$, thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo Hồ sơ quản lý đất đai thì hiện nay được quy chủ là Ủy ban nhân dân xã, nhưng nếu xác định được hộ gia đình cá nhân, quản lý và sử dụng thì có thể giao đất theo quy định của Luật đất đai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Chu Thị Ng: Yêu cầu quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2019 cụ thể: Yêu cầu quản lý và sử dụng 4.190 m^2 thuộc một phần của 03 thửa đất 296; 381, 320 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; Yêu cầu gia đình ông Lương Văn Đ di dời 450 cây bạch đàn ra khỏi diện tích tranh chấp; Đối với ngôi mộ của gia đình Bé Văn Th cho tồn tại trên diện tích tranh chấp.

Ông Lương Văn Đ, bà Lương Thị V không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng diện tích đất tranh chấp, gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã tiến hành trồng cây Bạch Đàn trên diện tích đất này từ năm 2016, 2017, từ khi trồng cây cho đến nay bà Chu Thị Ng không có ý kiến gì. Nay ông Lương Văn Đ và bà Lương Thị V yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên. Đối với ngôi mộ của gia đình Bé Văn Th cho tồn tại trên diện tích tranh chấp.

Ông Bé Văn Th vắng mặt tại phiên Tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019 do Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tiến hành, ông Bé Văn Th cho rằng đây là ngôi mộ của vợ ông, đã chết vào tháng 02 năm 1999. Ông đề nghị giữ nguyên ngôi mộ trên diện tích tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải,

ông Vi Văn Kh cho rằng, diện tích đất tranh chấp giữa bà Chu Thị Ng và ông Lương Văn Đ có một phần thuộc một phần thửa đất 320, diện tích 670m² theo hồ sơ quản lý đất đai thì quy chủ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là vì khi tiến hành đo đạc chưa xác định được chủ sở hữu, do vậy trong hồ sơ quản lý mới quy chủ là Ủy ban nhân dân xã, trong quá trình giải quyết tranh chấp nếu Tòa án xác định được người quản lý và sử dụng thửa đất trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Luật đất đai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, đúng quan hệ pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao quyền quản lý và sử dụng 4.190 m² đất tranh chấp và 450 cây bạch đàn trên diện tích tranh chấp cho hộ ông Lương Văn Đ quản lý và sử dụng; về án phí và các chi phí tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bao gồm đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Bé Văn Ph, anh Bé Văn D1, anh Bé Văn S, bà Lộc Thị H, anh Lương Văn V, anh Lương Văn Q, chị Lương Thị Nh, Lương Thị H, Chị Bé Thị Th2, chị La Thị Th1, ông Lộc Văn Ng, ông Bé Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng những người vắng mặt trên đã được ủy quyền hoặc đã có bản tự khai, biên bản lấy lời khai, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án. Theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Ng về việc yêu cầu quản lý và sử dụng 4.190 m² đất đang tranh chấp và yêu cầu gia đình ông Lương Văn Đ di dời 450 cây bạch đàn ra khỏi diện tích tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy. Diện tích đất tranh chấp có địa danh là khu đồi Pác Nùng, thuộc Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích là 4.190 m² thuộc 03 thửa đất một phần thửa đất số 296 tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

hộ ông Lường Văn Đ có diện tích là 3.304 m²; thuộc một phần thửa đất 318, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lường Văn Đ diện tích 216,0m²; thuộc một phần thửa đất 320, diện tích 670m² theo trên bản đồ là quy chủ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhưng thực tế là do hộ gia đình ông Lường Văn Đ quản lý và sử dụng. Căn cứ công văn số 684/UBND - TNMT ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 296, 381, tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đúng quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất tranh chấp là 670,0m², thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo Hồ sơ quản lý đất đai thì hiện nay được quy chủ là Ủy ban nhân dân xã, nhưng nếu xác định được hộ gia đình cá nhân, quản lý và sử dụng thì có thể giao đất theo quy định của Luật đất đai. Như vậy việc giao quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên cho hộ gia đình ông Lường Văn Đ là đúng với quy định của luật đất đai.

[3] Đối với chi phí tố tụng, bao gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.787.000 đồng và chi phí cho hợp đồng đo đạc xác minh là 11.213. 000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng); Do yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Ng không được chấp nhận nên bà Chu Thị Ng phải chịu toàn bộ chi phí nêu trên theo quy định Điều 158, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác nhận bà Chu Thị Ng đã nộp tòa bộ chi phí nêu trên theo Biên bản giao nhận tiền ngày 05/3/2019 và ngày 10/4/2019.

[4] Về án phí: Bà Chu Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng do bà Chu Thị Ng là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, do vậy bà Chu Thị Ng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35; Điều 147; khoản 1, 4 Điều 157; khoản 1, 4 Điều 165; Điều 244; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 158; Điều 160; Điều 161; Điều 164; Điều 189; Điều 221; Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Ng về việc yêu cầu quản lý và sử dụng 4.190 m² và yêu cầu hộ ông Lương Văn Đ di dời 450 cây bạch đàn ra khỏi diện tích tranh chấp tại khu đồi Pác Nùng, thuộc Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Hộ ông Lương Văn Đ được quyền quản lý và sử dụng tích 4.190 m² đất tại khu đồi Pác Nùng, thuộc Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần của 03 thửa đất sau:

1. Thuộc 1 phần thửa đất số 296 tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn Đ có diện tích là 3.304 m². Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp với phần đất không tranh chấp thuộc thửa 296 có cạnh dài 13,0 m; Phía đông bắc giáp với thửa đất 318 có cạnh dài 17,6 m; giáp với thửa đất 320 có cạnh dài 66,96 m; Phía nam giáp với thửa đất 332 có cạnh dài 15,48 m+ 45,78 m; giáp với thửa đất 296 có chiều dài cạnh 10,29 m; Phía tây Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài các cạnh: 47,17m + 38,07m + 42,9m.

2. Thuộc một phần thửa đất 318, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Văn Đ diện tích 216,0m². Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc tiếp giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 9,22m; Phía Đông tiếp giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 15,87m; Phía Nam giáp thửa 320 có chiều dài cạnh 15,18m; Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài cạnh 17,6m.

3. Thuộc một phần thửa đất 320, diện tích 670m² theo trên bản đồ là quy chủ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhưng thực tế là do hộ ông Lương Văn Đ quản lý và sử dụng. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa 318 có chiều dài cạnh 15,18m; Phía Đông giáp thửa 320 có chiều dài các cạnh 51,0m+10,51m; Phía Tây giáp thửa 296 có chiều dài cạnh 66,96m.

Và được quyền sở hữu, khai thác 450 cây Bạch Đàn có đường kính gốc là từ 05 đến 10 cm trên diện tích tranh chấp.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật hộ ông Lương Văn Đ có nghĩa vụ kê khai, đăng ký đất đai để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản.

Bà Chu Thị Ng phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng. Xác nhận bà Chu Thị Ng đã nộp toàn bộ chi phí nêu trên theo Biên bản giao nhận tiền ngày 05/3/2019 và ngày 10/4/2019.

4. Về án phí: Bà Chu Thị Ng phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng do bà Chu Thị Ng là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, do vậy bà Chu Thị Ng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H Lộc Bình;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự.....;
- Người BVQ&LIHP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Bình